

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 23 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi – Giáo viên trường Trung học phổ thông Hải Hậu A;
2. Ông Lưu Văn Đề – Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn Yên Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 08/11/2004 tại xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm Xuân Hóa, xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Lương, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1986 hiện đều trú tại xóm Xuân Hóa, xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm Xuân Hóa, xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “Có mặt”;

- Người bào chữa của bị cáo T: Bà Trần Thị Thủy – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; “Có mặt”.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm Xuân Hương, xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “có mặt”;

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm Xuân Hương, xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2021, Nguyễn Đức T sang nhà ông Nguyễn Văn T là hàng xóm liền kề bán hàng tạp hóa chơi. T quan sát thấy nhà ông T có lắp camera hướng từ quầy tạp hóa vào phòng khách, tiền bán hàng bà Nguyễn Thị M là vợ ông T thường để ở ngăn tủ gỗ bên phải phòng khách, phía sau nhà có hai lớp cửa, hàng ngày cài then nhưng không khóa. Do không có tiền tiêu, T nảy sinh ý định đến nhà ông T trộm cắp tiền. Khoảng 00 giờ ngày 28/8/2021, T mang một chiếc kéo bằng kim loại màu trắng, dài 20cm, cán kéo bọc nhựa màu xanh và một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Remi Note8 vỏ màu trắng- xám để làm công cụ cạy cửa trộm cắp tiền nhà ông T. T ra cột điện dùng tay phải ngắt attomat điện nhà ông T rồi đi bộ vào vườn nhà anh Phạm Duy Việt liền kề phía Nam nhà ông T, đi theo mương nước trèo lên sân giếng phía sau nhà ông T, tay trái bật đèn điện thoại để soi, tay phải dùng kéo đưa vào khe giữa cánh cửa tôn và tường phía sau cạnh sân giếng rồi đẩy then cửa theo hướng từ phải sang trái, khoảng 3 - 5 phút T mở được cửa vào phòng bếp. T tiếp tục mở cửa gỗ ngăn giữa phòng bếp với phòng khách bằng cách dùng chân trái tì cánh cửa bên trái, tay phải kéo cánh cửa bên phải, tay trái dùng kéo đưa vào giữa hai khe cửa để cạy then, có chiếc tô vít cắm trên lỗ then cửa, T dùng kéo kẹp nhắc tô vít ra, sau đó tiếp tục đẩy then cửa từ phải sang trái, khoảng 3 - 5 phút, T mở được cửa gỗ, đi lên phòng khách. T đi đến tủ quầy hàng tạp hóa, kéo ngăn kệ thấy chùm chìa khóa có hai chìa nên cầm đến mở cửa ngăn bên phải của tủ gỗ kê trong phòng khách. T phát hiện bên trong có một túi nilon màu đỏ đựng nhiều cọc tiền, T lấy hai cọc tiền cất vào túi quần phía trước bên phải, khóa tủ lại, nhìn thấy hông bên trái ngăn tủ đựng tivi có 4-5 chìa khóa, T lấy 1 chìa đánh tráo chìa khóa ngăn tủ gỗ đựng tiền rồi cất chìa khóa vừa đánh tráo được vào túi quần bên phải, bỏ chùm chìa khóa vào ngăn kệ tủ hàng tạp hóa rồi đi về. Đi qua cửa gỗ T khép lại, đi đến cửa tôn thì đóng lại rồi dùng kéo đẩy then cửa để gài như vị trí ban đầu rồi rời khỏi hiện trường như cách đã đột nhập vào, ra ngoài T đóng aptomat điện cho nhà ông T rồi đi về nhà. T bỏ số tiền vừa trộm cắp đếm được 20.000.000 đồng, gồm hai cọc tiền, mỗi cọc 10.000.000 đồng, một cọc có 19 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng và 05 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng; một cọc có 50 tờ tiền polymer mệnh giá 200.000 đồng. T đã cất giấu và tiêu xài cá nhân hết 19.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng.

Cũng với thủ đoạn như trên, khoảng 00 giờ ngày 16/10/2021, T mặc áo mưa, đeo găng tay vải màu nâu, mang 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng, dài 15cm, cán kéo bọc nhựa màu đỏ và một chiếc điện thoại Remi note8 cùng chìa khóa đi sang nhà ông T mục đích để lấy trộm 1.000.000 đồng. Khi T đang dùng kéo đưa vào khe giữa hai cánh cửa gỗ cạy then cửa để vào phòng khách thì bị ông T, bà Mai phát hiện bắt quả tang, bàn giao cho Công an xã H.X. Tuy nhiên, xét thấy hành vi này của Nguyễn Đức T không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Công an huyện Hải Hậu đã xử lý hành chính.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình và đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M số tiền 20.000.000đồng và gia đình T đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đồng cho Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có khiếu nại gì.

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 21/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố: Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 đến 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhất trí với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu trong bản luận tội, tuy nhiên bị cáo phạm tội là người dưới 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T được hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Đức T, người đại diện hợp pháp của bị cáo T không có tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên và nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 28/8/2021, Nguyễn Đức T đã lợi dụng sơ hở của gia đình ông Nguyễn Văn T ở xóm Xuân Hương, xã H.X, huyện Hải Hậu lén lút vào nhà trộm cắp số tiền 20.000.000đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Tuy bị cáo là người chưa thành niên đang là học sinh cấp sách tới trường nhưng ham chơi, đua đòi, không chịu học tập rèn luyện bản thân mà lại đi trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường kỷ cương pháp luật nên phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho bị hại; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên được áp dụng những quy định của pháp luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[5] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt thích đáng tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và xã hội là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung cũng là phù hợp với quy định tại chương XII của Bộ luật Hình sự quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M đã nhận đủ số tiền 20.000.000đồng và không yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với hành vi đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M vào khoảng 00 giờ ngày 16/10/2021 của bị cáo T để trộm cắp tài sản nhưng bị

ông T, bà Mai phát hiện nên bị cáo không thực hiện được hành vi phạm tội. Xét thấy hành vi này của Nguyễn Đức T không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Công an huyện Hải Hậu đã ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Do bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trộm cắp cho bị hại nên số tiền 1.000.000 đồng bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan công an trả lại bị cáo là phù hợp.

Chiếc điện thoại di động Remi note8 bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Chiếc kéo bằng kim loại, màu trắng, dài 20cm, cán kéo bọc nhựa màu xanh; chiếc kéo bằng kim loại màu đen, dài 15cm, cán kéo bọc nhựa màu đỏ; 01 đôi găng tay bằng vải, màu nâu; chiếc áo mưa choàng màu tím; 01 đôi dép xốp màu đen bạc; 01 chìa khóa mà bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân xã H.X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07/LCĐKNCC – TA, ngày 28 - 01 - 2022 đối với Nguyễn Đức T;

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Đức T số tiền 1.000.000 đồng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại di động Remi note8.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm: Chiếc kéo bằng kim loại màu trắng, cán bọc nhựa màu xanh; chiếc kéo bằng kim loại màu đen, cán bọc nhựa màu đỏ; 01 đôi găng tay bằng vải, màu nâu; 01 áo mưa choàng màu tím; 01 đôi dép xốp màu đen bạc; 01 chìa khóa mà cơ quan Công an đã thu giữ.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 0003718 cùng ngày 08/02/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức T, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo T, Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Công an huyện Hải Hậu;
- UBND xã H.X;
- Bị cáo;
- Người đại diện của bị cáo;
- Người bào chữa của bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng